TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **25**/2023/HNGĐ - ST Ngày 14 - 8 - 2023 V/v: Không công nhận là vợ chồng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST - HNGĐ ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Gia H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2023, bản tự khai ngày 29/6/2023, ngày 07/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Gia H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị D chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 22 tháng 01 năm 1994. Tuy nhiên, anh chị không có đăng

ký kết hôn. Quá trình chung sống đến ngày 23 tháng 3 năm 2007 thì anh và chị D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của mỗi người không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị D đi theo người đàn ông khác. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Anh và chị D sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy mâu thuẫn giữa anh và chị D đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Hoàng Thị D là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị D có 2 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 04/11/1994 và Lê Gia M, sinh ngày 25/01/2003. Từ tháng 3 năm 2007, anh và chị D sống ly thân thì anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị T còn chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Gia M đến khi 2 con thành niên. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía chị D yêu cầu anh trợ cấp số tiền 200.000.000đ mà chị nuôi cháu Lê Gia M một mình thì anh không đồng ý vì từ khi anh và chị D sống ly thân mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đến nay 2 con đã thành niên và phát triển bình thường, cháu Lê Thị T đã lập gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê Gia H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Hoàng Thị D là vợ chồng. Về con chung: Chị D yêu cầu anh trợ cấp số tiền 200.000.000đ mà chị nuôi cháu Lê Gia M một mình thì anh không đồng ý, hiện nay 2 con đã thành niên và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 03/7/2023 bị đơn chị Hoàng Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Gia H xây Dng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/1994 (âm lịch). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì anh H lại đánh đập chị, có lần chị phải đi viện. Đến tháng 9/2004 chị đưa cháu Lê Gia M vào miền Nam làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không liên lạc gì với nhau. Nay anh H xin ly hôn chị không đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 04/11/1994 và Lê Gia M, sinh ngày 25/01/2003. Khi vợ chồng ly thân chị nuôi dưỡng cháu Lê Gia M còn anh H nuôi dưỡng cháu Lê Thị T. Nay chị yêu cầu anh H trợ cấp số tiền 200.000.000đ mà chị đã nuôi cháu M một mình từ

khi vợ chồng sống ly thân. Hiện nay các con đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Biên bản xác minh ngày 18/7/2023 tại UBND xã K và UBND xã P cung cấp:*

Anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D chung sống với nhau từ năm 1994 và có 2 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 04/11/1994 và Lê Gia M, sinh ngày 25/01/2003. Đến khoảng năm 2007 thì anh H và chị D phát sinh mâu thuẫn nên mỗi người sống mỗi nơi, chị D nuôi cháu Lê Gia M còn anh H nuôi cháu Lê Thị T. Hiện nay các cháu đã thành niên và phát triển bình thường, cháu Thảo đã lập gia đình.

Từ năm 1998 trở về trước UBND xã P không còn lưu trữ Sổ đăng ký kết hôn. Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1998 đến nay anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D không đăng ký kết hôn. Vì vậy, thông tin đăng ký kết hôn giữa anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D không được lưu trữ trong Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã P nên UBND xã P không xác định được anh H và chị D có đăng ký kết hôn hay không.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong gia đoạn chuẩn bị xét xử và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Anh H và chị D chung sống với nhau từ tháng 01 năm 1994 nhưng

không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D.

+ Về con chung: Anh H và chị D có 2 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 04/11/1994 và Lê Gia M, sinh ngày 25/01/2003. Hiện nay các cháu đã thành niên và phát triển bình thường, anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về phần chị D yêu cầu anh H trợ cấp số tiền 200.000.000đ mà chị nuôi cháu M một mình từ khi vợ chồng sống ly thân. Xét thấy khi anh chị sống ly thân anh H nuôi dưỡng cháu Lê Thị T còn chị D nuôi dưỡng cháu Lê Gia M đến khi 2 con thành niên và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do mỗi người nuôi một con nên chị D yêu cầu anh H trợ cấp số tiền 200.000.000đ là không phù hợp nên không chấp nhận.

+ Về tài sản và nợ chung: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh Lê Gia H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01 năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng anh H và chị D không có đăng ký kết hôn nên anh H khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Chị D có địa chỉ thường trú tại thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Anh Lê Gia H có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hoàng Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị D theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 01 năm 1994. Quá trình chung sống anh H và chị D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải nên anh H và chị D sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D chung sống với nhau từ năm 1994. Quá trình xác minh tại địa phương từ năm 1998 trở về trước UBND xã P không còn lưu trữ Sổ đăng ký kết hôn. Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1998 đến nay anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D không đăng ký kết hôn. Vì vậy, thông tin đăng ký kết hôn giữa anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D không được lưu trữ trong Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã P nên UBND xã P không xác định được anh H và chị D có đăng ký kết hôn hay không. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Gia H, không công nhận anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Anh H và chị D có 2 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 04/11/1994 và Lê Gia M, sinh ngày 25/01/2003. Hiện nay các con đã thành niên và phát triển bình thường, anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về việc chị D yêu cầu anh H trợ cấp số tiền 200.000.000đ mà chị nuôi cháu Lê Gia M một mình từ khi vợ chồng sống ly thân. Anh H không đồng ý yêu cầu của chị D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà chị D vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy từ năm 2007 anh H và chị D sống ly thân, anh H nuôi dưỡng cháu Lê Thị T còn chị D nuôi dưỡng cháu Lê Gia M, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Do trong thời gian anh chị sống ly thân, mỗi bên đã nuôi một con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên ngang nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị D yêu cầu anh H trợ cấp số tiền 200.000.000đ là không phù hợp nên không chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, không công nhận anh Lê Gia H và chị Hoàng Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh H và chị D có 2 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 04/11/1994 và Lê Gia M, sinh ngày 25/01/2003. Hiện nay các con đã thành niên và phát triển bình thường nên không xem xét.

3. Về án phí: Anh Lê Gia H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007313 ngày 23/6/2023. Chấp nhận anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt anh H và chị D. Anh H và chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà